TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH Y** _____	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số:51/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16-6-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Duy Đô
Các Hội thẩm nhân dân:
1- Bà Nguyễn Thị Kim Thanh;
2- Ông Hoàng Đình Văn.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXX-ST ngày 02 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Ph** 35 tuổi
Địa chỉ: Thôn B- xã L Th- huyện L- tỉnh Y.
Bị đơn: Anh **Triệu Văn T** 37 tuổi
Địa chỉ: Thôn B- xã L Th- huyện L- tỉnh Y.
Các đương sự có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Đặng Thị Bình- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Y, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 05-4-2022 và tại các phiên hoà giải, nguyên đơn là chị Phạm Thị Ph trình bày: Chị và anh Triệu Văn T về chung sống với nhau từ năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, đến tháng 5 năm 2008 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã L Th- huyện L- tỉnh Y. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không được hạnh phúc do không có tiếng nói chung; anh T không tu chí làm ăn; không quan tâm đến gia đình, vợ con; hay đi uống rượu say về chửi bới, thậm chí đánh đập chị. Nhiều lần chị đã phải nhờ anh em trong gia đình giải quyết, khuyên nhủ nhưng anh T không thay đổi. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ tháng

10/2021. Xác định tình cảm không còn, chị đề nghị giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có hai cháu là Triệu Thị Thuý D sinh ngày 25-11-2007 và Triệu Ngọc Ch sinh ngày 29-12-2013. Khi ly hôn việc ở với ai sẽ do các con quyết định, nếu các con ở chị, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại các phiên hoà giải bị đơn là anh Triệu Văn T cơ bản nhất trí với lời khai của chị Ph. Tuy nhiên theo anh những năm đầu sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2018 mới xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị Ph đi làm ăn xa nhưng anh muốn vợ ở nhà. Anh không đánh đập chị Ph, anh vẫn lo cho gia đình, vẫn chăm sóc cho các con ăn học. Nay xác định vẫn còn tình cảm, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con nên anh không đồng ý ly hôn. Về con chung, khi ly hôn anh sẽ nuôi các con và yêu cầu chị Ph phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng/ 1 cháu. Về tài sản chung, nợ chung anh cũng không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích tình trạng quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng; điều kiện hoàn cảnh của các bên và nguyện vọng của các con; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 19, điều 21 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu muốn được đoàn tụ của anh Triệu Văn T. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Ph được ly hôn với anh T. Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự tại phiên toà về con chung: Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con; chị Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng/ 1 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; chị Ph được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa chị Phạm Thị Ph và anh Triệu Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; các đương sự có địa chỉ thường trú tại xã L Th- huyện L- tỉnh Y nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ph và anh Triệu Văn T kết hôn năm 2008, việc kết hôn này tuân thủ đúng những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại điều 19 luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".* Theo lời khai của các đương sự và kết quả xác minh tại địa phương cho thấy do nhiều nguyên nhân nên trong những năm qua vợ chồng chị Ph- anh T không hạnh phúc, trong đó nguyên nhân chính là do quan điểm, tính cách, lối sống không hợp nhau dẫn đến nhiều lần xảy ra cãi vã; hai người hiện cũng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Qúa trình giải quyết chị Ph xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị giải quyết cho ly hôn. Qua đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Ph- anh T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ph có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị Ph- anh T có hai cháu là Triệu Thị Thuý D sinh ngày 25-11-2007 và Triệu Ngọc Ch sinh ngày 29-12-2013. Tại phiên tòa hai bên thống nhất khi ly hôn anh Triệu Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con; chị Phạm Thị Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng/ 1 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Sự thống nhất này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các cháu; phù hợp với quy định của pháp luật cần ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Do gia đình thuộc hộ nghèo, chị Ph có đơn đề nghị nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Phạm Thị Ph được ly hôn với anh Triệu Văn T.

2- Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 357 Bộ luật Dân sự; giao cả hai cháu là Triệu Thị Thuý D sinh ngày 25-11-2007 và Triệu Ngọc Ch sinh ngày 29-12-2013 cho anh Triệu Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Phạm Thị Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng/1 cháu kể từ khi xét xử sơ thẩm (Ngày 16 tháng 6 năm 2022) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Ph thực hiện quyền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3- Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12; khoản 6 điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Phạm Thị Ph được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Phạm Thị Ph 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2021/0002239 ngày 05-4-2022.

4- Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5- Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện;
- UBND xã L Th;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô